

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

VŨ THỊ NGUYỆT

**THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT DÂN
SỰ NĂM 2004**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành: Luật Dân sự

Mã số: 60.38.30

Người hướng dẫn khoa học:

HÀ NỘI 2011

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường sự tham gia quan hệ xã hội của các con người ngày càng nhiều. Khi tham gia quan hệ xã hội, xung đột, tranh chấp về lợi ích giữa các chủ thể là điều không thể tránh khỏi và cần được giải quyết kịp thời, qua đó nhằm thúc đẩy quan hệ xã hội phát triển. Khi có xung đột, tranh chấp về lợi ích, để bảo vệ quyền lợi của mình, chủ thể có thể lựa chọn nhiều phương pháp giải quyết tranh chấp như hòa giải, thương lượng, trọng tài, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Mỗi một phương pháp giải quyết tranh chấp, có những ưu điểm và nhược điểm khác nhau, việc lựa chọn phương pháp giải quyết tranh chấp nào, phụ thuộc vào từng quan hệ, chủ thể và hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, là phổ biến, chiếm tỷ lệ cao trong tổng số các phương pháp giải quyết tranh chấp.

Luật tố tụng dân sự bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh những quan hệ phát sinh trong quá trình giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án. Là luật giải quyết những tranh chấp phát sinh từ nhiều ngành luật nội dung khác nhau như: Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật thương mại, Luật lao động ... Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2004 ra đời đã hợp nhất ba thủ tục tố tụng đó là tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế và tố tụng lao động. BLTTDS quy định những nguyên tắc của tố tụng dân sự, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự đến thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, hỗ trợ tư pháp ... trong đó có những quy định về thụ lý vụ án. Chế định thụ lý vụ án dân sự (VADS) nói chung và chế

định thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện nói riêng có vị trí quan trọng trong tố tụng dân sự; bởi lẽ, đây là cơ sở pháp lý để Tòa án thực hiện những hành vi pháp lý tiếp theo, để giải quyết VADS khi có yêu cầu. Ngày nay, cùng với công cuộc cải cách tư pháp với việc tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án cấp huyện thì những quy định về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện càng có ý nghĩa quan trọng trong tố tụng dân sự.

Sau sáu năm áp dụng, về cơ bản những quy định của BLTTDS nói chung và quy định về việc thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện nói riêng, đã đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, so với những ngành luật khác, Luật tố tụng dân sự là một ngành luật còn khá non trẻ, trong khi các quan hệ xã hội phát sinh, thay đổi một cách nhanh chóng, nên sau một thời gian ngắn áp dụng BLTTDS đã bộc lộ những hạn chế, bất cập. Trong đó, có những quy định về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện như: nhận đơn khởi kiện, thời hạn thông báo thụ lý vụ án ... Những bất cập, hạn chế này, không chỉ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức mà còn gây khó khăn cho Tòa án và cơ quan khác trong việc giải quyết VADS. Theo tinh thần của Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 trong đó Tòa án giữ vị trí trung tâm của quá trình cải cách và xét xử là khâu trọng tâm của toàn bộ hoạt động tư pháp. Quốc hội đã giao cho Tòa án nhân dân tối cao chủ trì dự thảo, lấy ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung những quy định của

BLTTDS năm 2004. Mặc dù, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật sửa đổi một số điều của BLTTDS năm 2004. Tuy nhiên, về cơ bản những quy định về thụ lý VADS vẫn giữ nguyên. Để góp phần hoàn thiện những quy định về thụ lý VADS tại Tòa án Tòa án cấp huyện trong BLTTDS thì việc nghiên cứu tìm ra những điểm bất cập của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện là việc làm cần thiết.

Việc nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở lý luận, những quy định của BLTTDS về việc thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện cũng như thực tiễn áp dụng là một việc làm cần thiết, có ý nghĩa không chỉ trong khoa học mà cả trong thực tiễn áp dụng. Qua việc nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành, những kiến nghị của luận văn góp phần quan trọng cho việc hoàn thiện những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS. Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài “*Thụ lý vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của BLTTDS năm 2004*” làm luận văn thạc sỹ luật học.

2. Thực trạng nghiên cứu pháp luật về thụ lý vụ án dân sự tại Việt Nam

Đây là đề tài không mới, nên đã được nghiên cứu, đề cập ở một số công trình với nhiều hình thức và mức độ khác nhau trước khi BLTTDS năm 2004 ra đời. Tuy nhiên, đây mới chỉ là những bài viết được đăng trên những tạp chí chuyên ngành như Tạp chí Tòa án nhân dân, Tạp chí Kiểm sát nhân dân, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Tạp chí Luật học như “*Một số ý kiến về thụ lý vụ án dân sự*” của tác giả Lê Chí Công đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 11-1998; Luận án Thạc sỹ luật học “*Thụ lý và chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự theo pháp luật tố tụng Việt Nam*” của tác giả Đoàn Đức Lương, Tham luận

của Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án địa phương tại các Hội nghị tổng kết ngành Tòa án nhân dân hàng năm và các tham luận phục vụ cho việc sửa đổi, bổ sung BLTTDS năm 2004 ... Tuy nhiên, những bài viết, công trình mới chỉ đề cập một cách khái quát hoặc nêu ra một số vướng mắc trong quá trình thụ lý VADS của những Thẩm phán, cán bộ Tòa án. Cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện những quy định của BLTTDS năm 2004 về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện cả trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn.

3. Mục đích nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu đề tài “*Thụ lý vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của BLTTDS năm 2004*” nhằm những mục tiêu sau đây:

- Phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận của thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện như: khái niệm và đặc điểm của VADS, thụ lý VADS, vai trò, ý nghĩa của việc thụ lý VADS trong việc giải quyết VADS; sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế định thụ lý VADS trong các thời kỳ.

- Phân tích, đánh giá những quy định của BLTTDS năm 2004 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS được Quốc hội thông qua ngày 29-3-2011 và những văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (HĐTP-TANDTC) về hướng dẫn những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện cũng như thực tiễn áp dụng.

- Phân tích việc thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện tại một số tỉnh qua số liệu do TANDTC cung cấp.

- Trên cơ sở phân tích, so sánh, tác giả nêu ra được những ưu điểm, đồng thời chỉ ra những mặt tồn tại, bất

cập của BLTTDS năm 2004 từ đó đề xuất một số kiến nghị, giải pháp góp phần nhằm hoàn thiện quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

4. Phạm vi nghiên cứu

Thụ lý vụ VADS có vai trò quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án, là cơ sở pháp lý để Tòa án tiến hành các hành vi tố tụng tiếp theo, trong việc giải quyết VADS. Trong khuôn khổ và phạm vi của luận văn thạc sỹ luật học, tác giả không đi sâu nghiên cứu một cách đầy đủ, chi tiết toàn bộ những quy định của BLTTDS về thụ lý vụ việc dân sự. Luận văn chủ yếu tập trung phân tích làm rõ những quy định của BLTTDS về việc thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng Mác-Lênin, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê hoạt động thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện với việc thụ lý của Tòa án cấp tỉnh và với việc dân sự khác. Ngoài ra, quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học khác như so sánh, lịch sử, logic, hệ thống, phân tích, tổng hợp ...

6. Những kết quả đạt được của luận văn

Luận văn là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện những quy định của BLTTDS cũng như những văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện. Qua việc nghiên cứu, tác giả đề xuất một số phương hướng nhằm hoàn thiện những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện. Những đóng góp của luận văn không chỉ giúp

cho việc hoàn thiện những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện mà còn trong nghiên cứu khoa học, những kiến nghị, đề xuất của luận văn là cơ sở quan trọng để sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn những quy định của BLTTDS.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận về thụ lý VADS.

Chương 2. Một số quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

Chương 3. Thực tiễn áp dụng BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện và phương hướng hoàn thiện

CHƯƠNG 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ

Mục tiêu của chương này nhằm khái quát một số vấn đề lý luận về thụ lý VADS tranh chấp dân sự, vụ án dân sự, khởi kiện vụ án dân sự, sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế định thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện. Những nghiên cứu của chương này là tiền đề cho việc nghiên cứu tiếp theo và đưa ra các kiến nghị cho việc xây dựng và hoàn thiện chế định thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

1.1. Khái niệm tranh chấp dân sự, vụ án dân sự

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tranh chấp dân sự

Tranh chấp dân sự là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, nó ra đời, tồn tại và biến đổi cùng với sự phát triển

của xã hội. Trong xã hội có phát sinh tranh chấp thì tất yếu sẽ phải có cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra giải quyết tranh chấp. Việc giải quyết tranh chấp là đòi hỏi tất yếu của một xã hội. Nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra giải quyết tranh chấp thì những mâu thuẫn, xung đột trong xã hội không thể giải quyết.

Qua việc nghiên cứu tranh chấp dân sự chúng tôi thấy tranh chấp dân sự (theo nghĩa hẹp) có những đặc điểm sau đây:

Một là, tranh chấp dân sự là tranh chấp phát sinh trong đời sống sinh hoạt hàng ngày phát sinh từ quan hệ do pháp luật dân sự điều chỉnh.

Hai là, tranh chấp dân sự là tranh chấp có chủ thể là chủ thể của luật dân sự. Theo quy định của BLDS năm 2005 chủ thể của luật dân sự là cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác.

Ba là, tranh chấp dân sự thường có giá trị không lớn. Ngày nay, có những tranh chấp dân sự có giá trị tương đối lớn như nhà đất, hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, mục đích và căn cứ phát sinh khác nhau, nên thông thường tài sản trong tranh chấp dân sự thường có giá trị nhỏ hơn so với tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. Bốn là, một số tranh chấp dân sự có thể chỉ là tranh chấp phát sinh từ quan hệ nhân thân không liên quan đến tài sản.

1.1.2. Khái niệm vụ án dân sự

Trong BLTTDS năm 2004 không đưa ra khái niệm VADS. Tuy nhiên, trong khoa học pháp lý để nghiên cứu một vấn đề nào đó cần đưa ra khái niệm khoa học. Khái niệm VADS được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. VADS là tranh chấp giữa các đương sự về quyền và nghĩa vụ, phát sinh trong quan hệ pháp luật dân sự, hôn

nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động, do người có quyền khởi kiện và được Tòa án thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Như vậy, VADS theo định nghĩa trên là VADS theo nghĩa rộng. Thụ lý VADS trong phạm vi đề tài này là những vụ án phát sinh từ quan hệ dân sự theo nghĩa hẹp đó là những tranh chấp dân sự và hôn nhân gia đình.

Qua việc nghiên cứu khái niệm VADS, chúng tôi thấy VADS có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, VADS là những tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của chủ thể phát sinh từ quan hệ pháp luật nội dung. Do đó, nó chịu sự điều chỉnh của pháp luật nội dung.

Thứ hai, VADS phát sinh từ quan hệ nội dung nên rất đa dạng về số lượng loại tranh chấp.

Thứ ba, để trở thành VADS thì tranh chấp, xung đột phải được luật tố tụng dân sự điều chỉnh. Hay nói cách khác tranh chấp, xung đột phải do pháp luật tố tụng điều chỉnh.

Thứ tư, VADS là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa hai hay nhiều đương sự. Bên khởi kiện và bên bị kiện. Do đó, trong VADS có thể xác định được tư cách của các bên đương sự đó là nguyên đơn, bị đơn hay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1.1.3. Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự

Ở nước ta, các quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp và các đạo luật ghi nhận và bảo vệ, trong đó có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, khi bị chủ thể khác xâm phạm. Có thể nói, quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp dân sự trong xã hội là một trong những quyền cơ bản được Hiến pháp ghi nhận. Tranh chấp dân sự phát sinh từ quan hệ dân sự và

được điều chỉnh bằng luật dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Do đó, về nguyên tắc chỉ những cá nhân, cơ quan, tổ chức khi quyền và lợi ích bị xâm phạm thì mới có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ. Tuy nhiên, trong xã hội có những đối tượng, do những điều kiện đặc biệt mà không thể hoặc khó có khả năng thực hiện quyền khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc việc khởi kiện để bảo vệ lợi ích công cộng, quyền khởi kiện VADS.

Quyền khởi kiện VADS là quyền tố tụng của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác khi có tranh chấp về dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của nhà nước.

1.1.4. Khái niệm thụ lý vụ án dân sự

Thụ lý VADS là giai đoạn đầu tiên của quá trình giải quyết VADS của Tòa án. Thực chất của việc thụ lý vụ án là việc Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện. Với việc chấp nhận đơn khởi kiện và vào sổ, không chỉ là căn cứ pháp lý để Tòa án tiến hành giải quyết vụ án mà còn là hình thức xác định trách nhiệm của các cơ quan khác trong việc tham gia giải quyết VADS. Thụ lý vụ án là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ tố tụng của các chủ thể khác tham gia quan hệ pháp luật tố tụng dân sự.

Thụ lý VADS là việc Tòa án có thẩm quyền chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện vào sổ thụ lý để giải quyết VADS theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

1.2. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế định thụ lý vụ án dân sự tại Tòa án cấp huyện

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, để xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân, Hồ Chủ tịch đã ban hành nhiều Sắc lệnh trong đó có Sắc lệnh số 33/SL ngày 13-9-1945 thành lập Tòa án quân sự là cơ quan xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sắc Lệnh số 47/SL ngày 10-10-1945 về việc tạm giữ các luật lệ hiện hành ở Bắc, Trung, Nam

Ngày 17-4-1946, Hồ Chủ tịch ban hành Sắc lệnh 51/SL quy định về thẩm quyền các Tòa và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án có bổ sung thêm những quy định về việc thụ lý giải quyết vụ việc dân sự trong đó có nội dung về khởi kiện và thụ lý giải quyết của Tòa án.

Qua nghiên cứu những quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong thời kỳ này cho thấy: Do hoàn cảnh lịch sử lúc đó nên những quy định về tố tụng nói chung và tố tụng dân sự nói riêng chủ yếu về nguyên tắc giải quyết, về quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng để tránh việc cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng lạm dụng quyền hạn để gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Mặc dù chỉ dừng lại ở nguyên tắc, nhưng những quy định của pháp luật trong thời kỳ này đã đáp ứng được yêu cầu giải quyết các VADS, nó còn đặt nền móng cho việc xây dựng và ban hành những văn bản pháp luật tố tụng dân sự sau này, trong đó có chế định về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004

Công cuộc đổi mới đất nước được bắt đầu từ năm 1986, với việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhu cầu giải quyết tranh chấp dân sự nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật. Ngày 29-11-1989, Hội đồng Nhà nước đã ban hành

PLTTGQCVADS có hiệu lực thi hành từ ngày 01-01-1990. Việc ban hành PLTTGQCVADS đã tạo ra hành lang pháp lý và hình thành những chuẩn mực nhất định, điều chỉnh những quan hệ tổ tụng dân sự trong đó có chế độ thụ lý giải quyết VADS tại Tòa án cấp huyện. Việc khởi kiện, khởi tố và thụ lý vụ án được quy định tại Chương VI từ Điều 34 đến Điều 37. Tuy nhiên, do đặc điểm của tình hình kinh tế-xã hội tại thời điểm ban hành nên nhìn chung những quy định này mang tính chất chung chung, sơ sài, nhiều vấn đề chưa được đề cập dẫn đến tình trạng Tòa án thụ lý sau đó lại trả lại đơn khởi kiện chiếm số lượng đáng kể. Chính vì vậy, PLTTGQCVADS cần được sửa đổi, bổ sung và thay thế bằng một văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn đó là BLTTDS

1.2.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Ngày 27-5-2004 Quốc hội nước CHXHCNVN đã thông qua BLTTDS, có hiệu lực kể từ ngày 01-01-2005. Cùng với việc ban hành BLTTDS, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật này như Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31-3-2005 hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của BLTTDS năm 2004, Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐTP ngày 27-4-2005 của HĐTP-TANDTC hướng dẫn thi hành một số quy định tại chương VIII “Các biện pháp khẩn cấp tạm thời” của BLTTDS ... Với 45 điều từ Điều 196 đến Điều 241 của BLTTDS và các hướng dẫn trong các Nghị quyết của HĐTP-TANDTC trong đó có quy định về thụ lý vụ án dân sự tại Tòa án cấp huyện. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn, những quy định của BLTTDS đã tỏ ra không phù hợp cần được sửa đổi, bổ sung. Ngày 29-3-2011, Quốc hội khóa XI tại kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BLTTDS NĂM 2004 VỀ THỤ LÝ VỤ ÁN TẠI TÒA ÁN CẤP HUYỆN

Thụ lý VADS là giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng, do Tòa án tiến hành để giải quyết VADS. Theo quy định của BLTTDS, hoạt động thụ lý của Tòa án bao gồm những công việc cụ thể như sau: nhận đơn khởi kiện; kiểm tra điều kiện của đơn khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án; thẩm quyền của Tòa án; kiểm tra các tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện cung cấp; thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; vào sổ thụ lý; thông báo việc thụ lý vụ án. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài này, tác giả không đề cập đến việc thụ lý VADS tại Tòa án nói chung mà chỉ tập trung vào phân tích những nội dung cơ bản về chế định thụ lý vụ VADS tại Tòa án cấp huyện. Vì vậy, trong chương này, tác giả tập trung vào ba nội dung chính đó là điều kiện thụ lý VADS; trình tự thụ lý VADS và một số trường hợp trả lại đơn khởi kiện.

2.1. Điều kiện thụ lý vụ án dân sự tại tòa án cấp huyện

2.1.1. Thẩm quyền của Tòa án

Thẩm quyền của Tòa án nói chung và dân sự nói riêng dựa trên những tiêu chí nhất định. Tiêu chí để phân định thẩm quyền là tư tưởng chỉ đạo trong việc quy định thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền của Tòa án trong Luật tổ chức Tòa án và luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành, được xây dựng dựa trên những tiêu chí là; thẩm quyền theo loại việc, thẩm quyền theo cấp của Tòa án và thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ.

Ở nước ta trước ngày 01-01-2005, những tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động được điều chỉnh bởi PLTTGQCVADS năm 1989, PLTTGQCVAKT năm 1994 và PLTTGQCVALĐ năm 1996. Theo quy định tại Điều 25 BLTTDS những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm: Tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về quốc tịch Việt Nam; tranh chấp về quyền sở hữu tài sản; tranh chấp về hợp đồng dân sự; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 của BLTTDS; tranh chấp về thừa kế tài sản; tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp liên quan đến hoạt động nghiệp vụ báo chí theo quy định của pháp luật; các tranh chấp khác về dân sự mà pháp luật có quy định.

Theo quy định tại Điều 27 BLTTDS thì những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bao gồm: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn ...

Theo quy định Điều 33 BLTTDS, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm những loại tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình được quy định tại Điều 25 và Điều 27 của BLTTDS bao gồm:

Tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về quốc tịch Việt Nam; tranh chấp về quyền sở hữu tài sản bao gồm tranh chấp về quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản, bồi thường thiệt hại đối với tài sản ... ; tranh chấp về hợp

đồng dân sự bao gồm; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, trù trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật này; tranh chấp về thừa kế tài sản như buộc người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, chia thừa kế, xác nhận hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác

Theo quy định tại Điều 35 BLTTDS thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được quy định như sau:

Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại các Điều 25 và Điều 27 của BLTTDS. Các đương sự có quyền tự thoả thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại các Điều 25 và Điều 27 BLTTDS. Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản.

2.1.2. Điều kiện về chủ thể

Khởi kiện vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc bị đe dọa xâm phạm.

Ngoài điều kiện về năng lực chủ thể người khởi kiện là người có quyền và lợi ích bị xâm phạm. Quy định này nhằm hạn chế việc lợi dụng quyền khởi kiện để xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức và của nhà nước. Trên thực tế, hiểu nội dung này như thế nào phụ thuộc vào Thẩm phán được phân công

xem xét đơn khởi kiện. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc đe dọa bị xâm phạm thì cá nhân, cơ quan tổ chức có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, có trường hợp người khởi kiện không phải là người có quyền, lợi ích bị xâm phạm nhưng pháp luật vẫn quy định cho một số chủ thể có quyền khởi kiện cho dù quyền, lợi ích hợp pháp không bị xâm phạm. Đây là trường hợp để bảo vệ lợi ích công cộng, của một số đối tượng không có điều kiện khởi kiện.

2.2. Quy trình thụ lý vụ án dân sự tại tòa án cấp huyện

Thụ lý vụ án có ý nghĩa quan trọng, nó là giai đoạn đầu của quá trình tố tụng là căn cứ để Tòa án tiến hành các hành vi tố tụng tiếp theo. Vì vậy, việc thụ lý VADS phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục. Việc thụ lý vụ án nói chung và thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện nói riêng qua nhiều bước. Tuy nhiên, trong phạm vi đề tài tác giả chỉ đề cập đến một số nội dung cơ bản của quy trình thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện. Quy trình thụ lý bao gồm những bước theo trình tự được BLTTDS và Nghị quyết của HĐTP-TANDTC hướng dẫn bao gồm: nhận đơn khởi kiện; yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; thông báo nộp tạm ứng án phí; vào sổ thụ lý vụ án; thông báo về việc thụ lý vụ án; việc trả lại đơn khởi kiện.

2.2.1. Nhận đơn khởi kiện

VADS phát sinh từ tranh chấp là cá nhân, cơ quan tổ chức nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Cá nhân, đại diện theo pháp luật của tổ chức có thể tự mình nộp đơn khởi kiện tại Tòa án hoặc có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình nộp đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện có thể viết tay hoặc đánh máy.

Theo quy định tại Điều 167 BLTTDS thì thủ tục

nhận đơn khởi kiện được thực hiện như sau:

Tòa án phải nhận đơn khởi kiện do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án hoặc gửi qua bưu điện và phải ghi vào sổ nhận đơn. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây:

Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình; chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án cấp có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện biết, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa khác; trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu việc khởi kiện không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi nhận đơn khởi kiện, lãnh đạo Tòa án cấp huyện có thể là Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy quyền sẽ phân công Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Đơn khởi kiện là căn cứ để Tòa án thụ lý vụ án. Theo quy định tại Điều 164 BLTTDS hình thức, nội dung đơn khởi kiện như sau:

Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; tên Tòa án nhận đơn khởi kiện; tên, địa chỉ của người khởi kiện; tên, địa chỉ của người có quyền và lợi ích được bảo vệ, nếu có; tên, địa chỉ của người bị kiện; tên, địa chỉ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nếu có; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; họ, tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có; tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp; các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án; người khởi kiện là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; nếu cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn.

2.2.2. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện

Hiện nay, trong xã hội sự hiểu biết về pháp luật của người dân không cao, thêm vào đó là thói quen không sử dụng luật sư khi giải quyết tranh chấp. Trong khi đó, đơn khởi kiện là văn bản vô cùng quan trọng quyết định đến nội dung và phạm vi giải quyết của Tòa án. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, BLTTDS cho phép trước khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện có quyền sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện.

Quy định này nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đồng thời nâng cao trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án. Đương sự có thể nộp đơn bổ sung đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án, hoặc có thể gửi qua đường bưu điện. Trong thời gian đương sự làm các thủ tục để sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện thì không tính thời hiệu khởi kiện. Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp cho Tòa án đơn khởi kiện bổ sung hoặc ngày đương sự sửa chữa đơn khởi kiện.

2.2.3. Thông báo nộp tạm ứng án phí

Theo quy định tại khoản 2 Điều 171 BLTTDS “Tòa án dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào phiếu báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí”.

Án phí dân sự là số tiền mà đương sự phải nộp vào ngân sách nhà nước khi Tòa án thụ lý giải quyết. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết VADS khi đương sự nộp tiền tạm ứng án phí. Tiền tạm ứng án phí do Tòa án tạm tính dựa trên số tiền án phí đương sự phải nộp trong VADS nếu đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí. Đối với vụ án dân sự không

có giá ngạch thì tiền tạm ứng án phí được xác định theo một mức nhất định.

2.2.4. Vào sổ thụ lý và thông báo việc thụ lý vụ án dân sự

Sau khi người khởi kiện nộp biên lai tạm ứng án phí Tòa án sẽ thụ lý. Trong trường hợp người khởi kiện không phải nộp tạm ứng án phí thì phải xuất trình chứng cứ để chứng minh thuộc diện không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Sau đó, Tòa án sẽ ghi vào sổ thụ lý vụ án. Sổ thụ lý VADS là sổ mẫu do TANDTC phát hành. Trong sổ thụ lý có các nội dung như số thụ lý, ngày, tháng, năm, thụ lý, họ tên địa chỉ của người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quan hệ tranh chấp ... Sổ thụ lý có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định ngày thụ lý của Tòa án, việc quản lý sổ thụ lý của Tòa án được thực hiện chặt chẽ nhằm tránh trường hợp tẩy xóa sổ thụ lý.

2.3. Một số trường hợp trả lại đơn khởi kiện

Điều 168 BLTTDS quy định Tòa án trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây:

- Thời hiệu khởi kiện đã hết là trường hợp mà pháp luật nội dung quy định về thời hiệu khởi kiện. Trong thời hiệu mà pháp luật quy định chủ thể có quyền khởi kiện mà chủ thể không thực hiện quyền khởi kiện thì mất quyền khởi kiện. Tùy vào quan hệ mà pháp luật nội dung quy định thời hiệu khởi kiện ngắn hay dài khác nhau. Nếu pháp luật nội dung không quy định về thời hiệu khởi kiện thì Điều 159 BLTTDS quy định là thời hạn 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm.

- Người khởi kiện không có quyền khởi kiện hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự. Do chưa có hướng dẫn cụ thể nên Tòa án xác định người khởi kiện có quyền khởi kiện hay không là một điều không dễ. Thực tế

có rất nhiều trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện không đúng với quy định của pháp luật. Căn cứ xác định quyền khởi kiện của đương sự và căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dựa trên những căn cứ khác nhau. Không phải lúc nào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng đều được Tòa án chấp nhận.

- Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn xin ly hôn, xin thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại.

- Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí mà người khởi kiện không làm thủ tục nộp tiền tạm ứng và nộp biên lai cho Tòa án trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp các bên có thỏa thuận lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp khác hoặc pháp luật quy định không cho phép khởi kiện ra Tòa án. Trong tranh chấp quyền sử dụng đất là việc các bên không tiến hành việc hòa giải tại xã phường, trong ly hôn vợ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi

...

- Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án đó là những tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 25, 27, 29, 31 BLTTDS. Ví dụ như tranh chấp quyền sử dụng đất mà người khởi kiện không có một trong những giấy tờ được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG BLTTDS VỀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN CẤP HUYỆN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN

3.1. Khái quát quá thực tiễn áp dụng BLTTDS về thụ lý vụ án tại tòa án cấp huyện

BLTTDS được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 15-6-2004 có hiệu lực từ ngày 01-01-2005 được sửa đổi bổ sung tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XII đã thống nhất ba loại thủ tục tố tụng trong PLTTGQCVADS năm 1989, PLTTGQCVA kinh tế năm 1994 và PLTTGQCVALĐ năm 1996, tạo cơ sở pháp lý cho cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tại Tòa án cho thấy, tỷ lệ vụ án đã thụ lý, sau đó bị đình chỉ giải quyết vụ án còn chiếm tỷ trọng khá lớn. Việc đình chỉ giải quyết vụ án có nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân quan trọng đó là khâu thụ lý VADS nói chung trong và thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện.

Qua số liệu thống kê cho thấy, số VADS mà Tòa án đã thụ lý sau đó phải đình chỉ giải quyết chủ yếu tập trung vào những tranh chấp có liên quan đến đất đai và thừa kế. Theo quy định tại Điều 136 Luật đất đai năm 2003 thì Tòa án chỉ giải quyết những tranh chấp có liên quan đến đất đai khi đương sự có một trong những giấy tờ được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003

Qua thực tiễn giả quyết tranh chấp tại Tòa án cũng như việc nghiên cứu những quy định BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện, chúng tôi thấy rằng, những

quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện tồn tại những vấn đề bất cập như sau:

- Về quy định nộp tiền tạm ứng án phí; theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLTTDS “Sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ, kèm theo, nếu thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Tòa án phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí ...”. Do không có quy định giải thích về “ngay” là bao nhiêu ngày, nên một số Tòa án áp dụng tùy tiện.

- Về thủ tục nhận đơn khởi kiện, theo quy định tại Điều 167 BLTTDS “ ... Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây:

Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của mình ..”. Theo hướng dẫn tại mục 6 Phần I Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của HĐTP-TANDTC hướng dẫn thủ tục giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm “Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, việc phân công người xem xét đơn khởi kiện được thực hiện như sau:

Đối với TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là TAND cấp huyện), thì Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm phân công một thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Việc xem xét đơn khởi kiện của Tòa án do thẩm phán tiến hành do Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm phân công. Trên thực tế có thể phân công bằng miệng có thể phê vào góc trái của đơn khởi kiện hoặc có thể bằng văn bản riêng đó là quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Trong khi đó, thời hạn mà Tòa án phải tiến hành thụ lý (nếu thuộc thẩm quyền) là 05 ngày làm việc kể

từ ngày kê từ ngày nhận đơn khởi kiện. Do đó, BLTTDS cần quy định theo hướng việc phân công Thẩm phán của Chánh án tòa án phải được thể hiện bằng quyết định.

- Việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Đề thụ lý vụ án, ngoài việc người khởi kiện thỏa mãn điều kiện của chủ thể, thì tranh chấp phải thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trên thực tế thì việc xác định sai thẩm quyền chủ yếu tập trung chủ yếu vào tranh chấp có liên quan đến đất đai.

- Việc Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện khi thụ lý giải quyết vụ án. Sau khi Luật đất đai năm 1993 ra đời, TANDTC và VKSNDTC ban hành Thông tư liên ngành số 03/TTLN ngày 10-8-1996 về việc hướng dẫn thời hiệu giải quyết tranh chấp đất đai. Theo Thông tư liên ngành số 03 thì thời hạn khởi kiện tranh chấp đất đai trước ngày 15-10-1993 là 03 năm kể từ ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực, điều này có nghĩa là nếu tranh chấp đất đai trước ngày 15-10-1993 thì sau ngày 15-10-1996 sẽ hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, cho đến nay do chưa có văn bản chính thức về việc hủy bỏ Thông tư liên ngành này. Nên trên thực tế, một số Tòa án vẫn áp dụng Thông tư liên ngành này, dẫn đến trường hợp không thụ lý giải quyết hoặc nếu đã thụ lý thì đình chỉ giải quyết với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Về hình thức văn bản trong quá trình thụ lý vụ án dân sự. Điều 167 BLTTDS quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét đơn khởi kiện để ra một trong những quyết định sau: thụ lý vụ án, chuyển đơn khởi kiện, trả lại đơn khởi kiện. Về vấn đề này, có Tòa án in sẵn mẫu xử lý đơn, thể hiện một trong ba nội dung trên. Nếu đương sự đáp ứng điều kiện về nộp tiền tạm ứng án phí theo quy

định tại Điều 171 BLTTDS thì ra thông báo về việc thụ lý vụ án; nếu vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì thông báo cho người khởi kiện đến hướng dẫn họ nộp đơn đúng nơi có thẩm quyền giải quyết; nếu trả lại đơn khởi kiện thì ra thông báo cho người khởi kiện biết việc trả lại đơn khởi kiện để họ có quyền khiếu nại thông báo trả lại đơn khởi kiện trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và chứng cứ kèm theo do Tòa án trả lại theo quy định tại Điều 170 BLTTDS.

Như vậy, việc trả lại đơn khởi kiện thì bằng hình thức thông báo nhưng do điểm b khoản 2 Điều 170 BLTTDS quy định không rõ ràng nên việc trả lời khiếu nại việc trả lại đơn khởi kiện của Chánh án Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện có thể bằng hình thức công văn có nội dung thông báo, thông báo hoặc là quyết định trả lời đơn. Thực tiễn có hai quan điểm; quan điểm thứ nhất cho rằng do việc trả lời đơn khởi kiện bằng hình thức thông báo việc trả lại đơn khởi kiện nên việc trả lời khiếu nại của Chánh án phải là công văn có nội dung thông báo. Có quan điểm lại cho rằng việc trả lời khiếu nại việc trả lại đơn của Chánh án phải được thể hiện dưới hình thức quyết định mới đảm bảo tính uy nghiêm của Tòa án. Do vậy, việc trả lại đơn khởi kiện phải được thể hiện dưới hình thức là quyết định thì mới đảm bảo tính thống nhất. Chúng tôi cho rằng, văn bản trả lại đơn khởi kiện là văn bản do Tòa án ban hành và người ký văn bản này phải là người có thẩm quyền và có chức danh tư pháp (Thẩm phán được phân công xem xét đơn khởi kiện), khi có khiếu nại phải được trả lời bằng quyết định giải quyết khiếu nại theo thủ tục tư pháp hành chính. Do đó, chúng tôi cho rằng việc trả lại đơn khởi kiện phải được thực hiện dưới hình thức quyết định.

- Vấn đề xác định điều kiện khởi kiện khi thụ lý vụ án. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 168 BLTTDS việc trả lại đơn khởi kiện trong trường hợp người khởi kiện không đủ điều kiện khởi kiện. Vấn đề xác định trường hợp nào người khởi kiện không đủ điều kiện khởi kiện. Đây là vấn đề rất khó khi thụ lý vụ án. Về nguyên tắc, người khởi kiện phải chứng minh cho Tòa án là có đủ điều kiện khởi kiện. Trên thực tế thì không phải lúc nào đương sự cũng có thể và có điều kiện để cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện khởi kiện. Những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của đương sự nằm ở các cơ quan Nhà nước nên không phải lúc nào đương sự cũng có thể yêu cầu những cơ quan này cung cấp. Pháp luật đã có những quy định nghĩa vụ cung cấp tài liệu của cơ quan tổ chức đang lưu giữ cho cá nhân, cơ quan tổ chức. Tuy nhiên, do không có chế tài cụ thể nên việc cung cấp hay không cung cấp phụ thuộc vào các cơ quan đang lưu giữ. Chỉ khi Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có yêu cầu thì những cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ tài liệu chứng cứ mới cung cấp. Điều này gây ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền khởi kiện của cá nhân, cơ quan tổ chức. Theo quy định của BLTTDS thì Tòa án chỉ tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ khi đã thụ lý VADS và có yêu cầu của đương sự. Trong trường hợp nếu chưa thụ lý vụ án thì Tòa án không có nghĩa vụ yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ. Chính do những quy định còn nhiều bất cập nên người khởi kiện không thể thực hiện được quyền của mình đồng thời gây khó khăn cho việc thụ lý giải quyết của Tòa án trong đó có việc xác định điều kiện khởi kiện của người khởi kiện. Với thời gian như vậy, Tòa án khó có thể đưa ra những đánh giá chính xác để xác định

người khởi kiện có quyền khởi kiện hay không khi thụ lý vụ án.

- Việc xác định thời điểm thực hiện quyền phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo quy định tại Điều 174 BLTTDS trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cho VKSND cùng cấp biết về việc thụ lý vụ án. Văn bản thông báo bao gồm ngày, tháng, năm làm văn bản thông báo; tên địa chỉ Tòa án thụ lý; tên, địa chỉ của người khởi kiện; những vấn đề cụ thể của người khởi kiện yêu cầu giải quyết; danh sách tài liệu, chứng cứ người khởi kiện nộp kèm theo đơn khởi kiện; thời hạn người được thông báo phải nộp ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án đối với yêu cầu của người khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo nếu có; hậu quả pháp lý của việc người được thông báo không nộp cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, người được thông báo phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện thì bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Về thủ tục phản tố được quy định từ Điều 176 đến Điều 178 BLTTDS theo đó được áp dụng như quy định của nguyên đơn về thủ tục khởi kiện. Xung quanh vấn đề này có nhiều cách hiểu khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, nếu theo quy định tại khoản 1 Điều 176 BLTTDS “Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện thì bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với

nguyên đơn”. Nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được thực hiện quyền phản tố cùng với việc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với nguyên đơn.

Quan điểm thứ hai xuất phát từ bản chất của dân sự là nguyên tắc tự định đoạt của đương sự, nên bị đơn, người liên quan có thể thực hiện yêu cầu phản tố của mình ở bất kỳ thời điểm nào họ muốn kể cả tại phiên tòa sơ thẩm.

Quan điểm thứ ba cho rằng, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu phản tố của mình đến trước khi Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Vì trước khi Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới có thời gian làm các thủ tục về tạm ứng án phí theo quy định của BLTTDS.

Chúng tôi cho rằng, mặc dù Điều 176 BLTTDS quy định không rõ ràng về thời điểm mà bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có yêu cầu phản tố phải trước khi Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đưa vụ án ra xét xử (như quan điểm thứ ba) bởi lẽ: Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, BLTTDS không có quy định hạn chế nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, phản tố. Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, phản tố phải theo trình tự thủ tục mà BLTTDS quy định. Quy định này thể hiện nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự trong thời gian này đó là đương sự có quyền cân nhắc và quyết định cách xử sự của mình nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước khi Tòa án đưa ra xét xử. Ngoài ra, trước khi Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét

xử nếu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan độc lập có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập đảm bảo thời gian đề đương sự thực hiện các thủ tục có liên quan đến tạm ứng án phí theo quy định của BLTTDS.

3.2. Một số phương hướng hoàn thiện về chế định thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện trong BLTTDS

3.2.1. Phương hướng chung

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02-01-2002 của Bộ chính trị về “về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” trong đó có việc đảm bảo quyền khởi kiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức nhằm khắc phục những vướng mắc tồn tại trong quá trình giải quyết tranh chấp dân sự. Nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24-5- 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

Để thực hiện chiến lược cải cách tư pháp ngoài việc bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ Tòa án. Xây dựng cơ sở vật chất cho việc hình thành hệ thống Tòa án theo cấp xét xử. Quốc hội đã giao cho TANDTC chủ trì soạn thảo lấy ý kiến để trình Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của của BLTTDS và đã được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 9 vào tháng 3-2011.

Hoàn thiện những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện nhằm mục đích bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khởi kiện nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình qua đó thúc đẩy sự phát triển của kinh tế xã hội.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chế định về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện

Qua hoạt động thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện và nghiên cứu những quy định của BLTTDS và những văn bản hướng dẫn, chúng tôi kiến nghị một số nội dung nhằm hoạt thiện quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện như sau:

- Về quy định nộp tiền tạm ứng án phí: theo quy định tại khoản 1 Điều 171 BLTTDS “Sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ, kèm theo, nếu thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Tòa án phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí ...”. Để người khởi kiện thực hiện quyền khởi kiện của mình trong thời hạn luật định và để tránh việc tùy tiện của Tòa án trong việc thụ lý vụ án. Khoản 1 Điều 171 BLTTDS nên quy định theo hướng “Sau khi nhận đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ, kèm theo, nếu thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì trong thời hạn 7 ngày làm việc Tòa án phải thông báo cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí”.

- Về thủ tục nhận đơn khởi kiện, theo quy định tại Điều 167 BLTTDS và Nghị quyết số Mục 6 Phần I Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của HĐTP-TANDTC đối với TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là TAND cấp huyện), thì Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm phân công một thẩm phán xem xét đơn khởi kiện. Việc xem xét đơn khởi kiện của Tòa án do thẩm phán tiến hành do Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm phân công. Khi có đơn khởi kiện thì Chánh án hoặc Phó Chánh án được ủy nhiệm sẽ phải phân công Thẩm phán

xem xét đơn khởi kiện. Trên thực tế có thể phân công bằng miệng có thể phê vào đơn khởi kiện hoặc có thể bằng văn bản riêng. Trong khi đó, thời hạn mà Tòa án phải tiến hành thụ lý 05 ngày kể từ ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn khởi kiện. Tòa án phải ra các quyết định tiến hành thụ lý vụ án; chuyển vụ án đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; trả lại đơn khởi kiện. Để đảm bảo thời gian nghiên cứu đơn khởi kiện và tránh những công đoạn không cần thiết; chúng tôi cho rằng ở Tòa án cấp huyện cần có những Thẩm phán và đội ngũ giúp việc chuyên nhận đơn và xử lý đơn khởi kiện.

- Về hình thức phân công Thẩm phán giải quyết VADS. theo quy định tại Điều 172 BLTTDS thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án Tòa án phân công một thẩm phán giải quyết vụ án. Do không quy định việc phân công thẩm phán của Chánh án là hình thức miệng hay văn bản (quyết định hay công văn) nên trên thực tế Tòa án áp dụng rất tùy tiện có Tòa án Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm ra quyết định phân công; có trường hợp Chánh án hoặc Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm phê vào góc đơn khởi kiện việc phân công Thẩm phán giải quyết; thậm chí có Tòa án Chánh án chỉ phân công Thẩm phán bằng miệng. Do đó, để tránh sự tùy tiện cũng như đảm bảo tính trang nghiêm của văn bản tổ tụng khoản 1 Điều 172 BLTTDS cần quy định theo đó “Trong thời hạn ba ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Chánh án ra quyết định phân công một thẩm phán giải quyết vụ án”.

- Về hình thức của văn bản trả lại đơn khởi kiện: theo quy định tại khoản 3 Điều 167 BLTTDS thì Tòa án sẽ trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo

hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của HĐTP-TANDTC hình thức trả lại đơn khởi kiện trong trường hợp Tòa không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (chưa thụ lý) là thông báo. Vấn đề ở đây cần xác định là thông báo là văn bản tố tụng hay là văn bản hành chính. Chúng tôi cho rằng khi Tòa án trả lại đơn khởi kiện việc đó không thuộc thẩm quyền của Tòa án (chưa thụ lý) chưa hình thành VADS. Do đó, để đảm tính thống nhất với những quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì bổ sung theo đó việc trả lại đơn khởi kiện dưới hình thức quyết định trả lại đơn khởi kiện.

- Hậu quả pháp lý của việc không gửi cho Tòa án ý kiến bằng văn bản: theo quy định tại Điều 174 BLTTDS trong thời hạn ba ngày kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án ... văn bản thông báo phải có nội dung về hậu quả pháp lý của việc người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu. Đây là nội dung mới được BLTTDS quy định, do quy định chưa chặt chẽ và chưa có hướng dẫn cụ thể nên trên thực tế có nhiều cách hiểu khác nhau có liên quan đến yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, để đảm bảo sự thống nhất của pháp luật cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cần bổ sung điểm g khoản 2 Điều 174 BLTTDS với nội dung, “Nếu người được thông báo không nộp cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì coi như đã đồng ý chấp nhận với yêu cầu và chứng cứ của người khởi kiện đưa ra”.

- Việc xác định thời điểm bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra yêu cầu phản tố: theo quy định tại Điều 174 BLTTDS thì trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn ... người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết và hậu quả pháp lý của việc người được thông báo không nộp có Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện. Điều 178 quy định thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời đảm bảo nguyên tắc xét xử liên tục của Tòa án Điều 178 BLTTDS cần bổ sung theo hướng thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện vào thời điểm trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định mở phiên tòa.

KẾT LUẬN

Thụ lý VADS là giai đoạn đầu tiên trong quá trình giải quyết tranh chấp dân sự của Tòa án. Thụ lý VADS có vai trò quan trọng là tiền đề và là căn cứ pháp lý cho Tòa án tiến hành các hoạt động tố tụng tiếp theo để giải quyết VADS. Thực hiện đầy đủ những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS khi thụ lý sẽ giúp cho Tòa án giải quyết VADS khách quan, đúng pháp luật, qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. So với PLTTGQCVADS về trình tự, thủ tục thụ lý VADS nói chung và VADS tại Tòa án cấp huyện nói riêng được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hơn. Mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XII; tuy nhiên, những quy định về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện hầu như chưa được sửa đổi, bổ sung.

Qua việc nghiên cứu những quy định của BLTTDS và thực tiễn thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện cho thấy nhiều nội dung tồn tại cách hiểu và áp dụng khác nhau. TANDTC đã có nhiều văn bản giải thích, hướng dẫn những quy định của BLTTDS trong đó có những quy định về thụ lý VADS. Tuy nhiên, việc hướng dẫn chưa kịp thời, không rõ ràng nên dẫn đến tình trạng Tòa án áp dụng không đúng tinh thần của BLTTDS ảnh hưởng đến quyền khởi kiện của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Việc thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện có nhiều nội dung được quy định BLTTDS. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài tốt nghiệp, tác giả không thể đề cập chi tiết tất cả những nội dung trong BLTTDS và những văn bản có liên quan. Tác giả chỉ nêu một số những vấn đề về lý luận về thụ lý VADS, trình tự, thủ tục thụ lý vụ án, điều kiện khởi kiện; gửi đơn khởi kiện, nhận đơn khởi kiện, sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, thụ lý vụ án ... và những vướng mắc mà tác giả gặp phải trong hoạt động thực tiễn của mình. Qua việc phân tích những bất cập của pháp luật cũng như những vướng mắc thường gặp, tác giả đề xuất một số giải pháp là những cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung BLTTDS.

Qua việc nghiên cứu một số vấn đề về lý luận cũng như quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện cũng như thực tiễn áp dụng, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Thụ lý VADS là giai đoạn quan trọng trong quá trình giải quyết tranh chấp của Tòa án là cơ sở pháp lý để Tòa án tiến hành các hành vi tố tụng phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

- Việc thụ lý VADS được thực hiện theo đúng quy trình mà BLTTDS quy định sẽ giúp cho Tòa án giải quyết

VADS đúng luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Những quy định của BLTTDS về thụ lý VADS tại Tòa án cấp huyện còn có nhiều điểm bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn. Do đó, trong thời gian tới BLTTDS cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.